

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I- HOÁ HỌC 12-ĐỀ 4

Câu 1: Chất nào sau đây **không** phải là este?

- A. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. B. $\text{C}_3\text{H}_5(\text{COOCH}_3)_3$. C. HCOOCH_3 . D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OC}_2\text{H}_5$.

Câu 2: Chất X có công thức cấu tạo $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{COOCH}_3$. Tên gọi của X là

- A. propyl fomat. B. metyl axetat. C. metyl acrylat. D. etyl axetat.

Câu 3: Etyl propionat là este có mùi thơm của dứa. Công thức của etyl propionat là

- A. HCOOC_2H_5 . B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOC}_2\text{H}_5$. C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$. D. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

Câu 4: Hợp chất nào sau đây là este ?

- A. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{Cl}$. B. HCOOC_6H_5 . C. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{ONO}_2$. D. Tất cả đều đúng.

Câu 5: Chất nào dưới đây **không** phải là este ?

- A. HCOOC_6H_5 . B. HCOOCH_3 . C. CH_3COOH . D. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

Câu 6: Chất nào sau đây **không** phải là este ?

- A. HCOOCH_3 . B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OC}_2\text{H}_5$. C. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. D. $\text{C}_3\text{H}_5(\text{COOCH}_3)_3$.

Câu 7: Chất X có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$, là este của axit axetic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là :

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$. B. $\text{HO}-\text{C}_2\text{H}_4-\text{CHO}$. C. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$. D. HCOOC_2H_5 .

Câu 8: Chất béo là thành phần chính trong dầu thực vật và mỡ động vật. Trong số các chất sau đây, chất nào là chất béo?

- A. $\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COOC}_3\text{H}_5$. B. $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_2\text{C}_2\text{H}_4$.
C. $(\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$. D. $\text{CH}_3\text{COOC}_6\text{H}_5$.

Câu 9: Công thức nào sau đây có thể là công thức của chất béo?

- A. $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{C}_6\text{H}_5$. B. $\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COOCH}_3$.
C. $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_2\text{C}_2\text{H}_4$. D. $(\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.

Câu 10: Công thức của axit oleic là

- A. CHCOOH . B. $\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COOH}$. C. HCOOH . D. CH_3COOH .

Câu 11: Công thức axit stearic là

- A. C_2H_5COOH . B. CH_3COOH . C. $C_{17}H_{35}COOH$. D. $HCOOH$.

Câu 12: Tripanmitin là chất béo no, ở trạng thái rắn. Công thức của tripanmitin là

- A. $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$. B. $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$.
C. $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$. D. $(C_{17}H_{31}COO)_3C_3H_5$.

Câu 13: Trilinolein là chất béo không no, ở trạng thái lỏng. Công thức của trilinolein là

- A. $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$. B. $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$.
C. $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$. D. $(C_{17}H_{31}COO)_3C_3H_5$.

Câu 14: Công thức của tristearin là

- A. $(C_2H_5COO)_3C_3H_5$. B. $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$.
C. $(CH_3COO)_3C_3H_5$. D. $(HCOO)_3C_3H_5$.

Câu 15: Công thức của triolein là

- A. $(HCOO)_3C_3H_5$. B. $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$.
C. $(C_2H_5COO)_3C_3H_5$. D. $(CH_3COO)_3C_3H_5$.

Câu 16: Chất nào sau đây có thành phần chính là trieste của glixerol với axit béo?

- A. sợi bông. B. mỡ bò. C. bột gạo. D. tơ tằm.

Câu 17: Khi thủy phân chất béo trong môi trường kiềm thì thu được muối của axit béo và

- A. phenol. B. glixerol. C. ancol đơn chức. D. este đơn chức.

Câu 18: Trong phân tử của cacbohidrat luôn có

- A. nhóm chức ancol. B. nhóm chức xeton. C. nhóm chức anđehit. D. nhóm chức axit.

Câu 19: Glucozơ **không** thuộc loại

- A. hợp chất tạp chức. B. cacbohidrat. C. monosaccarit. D. disaccarit.

Câu 20: Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

- A. Saccarozơ. B. Xenlulozơ. C. Glucozơ. D. Tinh bột.

Câu 21: Glucozơ là một loại monosaccarit có nhiều trong quả nho chín. Công thức phân tử của glucozơ là

- A. $C_2H_4O_2$. B. $(C_6H_{10}O_5)_n$. C. $C_{12}H_{22}O_{11}$. D. $C_6H_{12}O_6$.

Câu 22: Fructozơ là một loại monosaccarit có nhiều trong mật ong, có vị ngọt sắc. Công thức phân tử của fructozơ là

- A. $C_6H_{12}O_6$. B. $(C_6H_{10}O_5)_n$. C. $C_2H_4O_2$. D. $C_{12}H_{22}O_{11}$.

Câu 23: Chất nào sau đây có tới 40% trong mật ong?

- A. Saccarozơ. B. Amilopectin. C. Glucozơ. D. Fructozơ.

Câu 24: Loại thực phẩm **không** chứa nhiều saccarozơ là

- A. đường phèn. B. mật mía. C. mật ong. D. đường kính.

Câu 25: Loại đường nào sau đây có trong máu động vật?

- A. Saccarozơ. B. Mantozơ. C. Fructozơ. D. Glucozơ.

Câu 26: Trong điều kiện thích hợp glucozơ lên men tạo thành khí CO_2 và

- A. $HCOOH$. B. CH_3CHO . C. CH_3COOH . D. C_2H_5OH .

Câu 27: Chất tác dụng với H_2 tạo thành sobitol là

- A. saccarozơ. B. tinh bột. C. glucozơ. D. xenlulozơ.

Câu 28: Khi bị ốm, mất sức, nhiều người bệnh thường được truyền dịch đường để bổ sung nhanh năng lượng. Chất trong dịch truyền có tác dụng trên là

- A. Glucozơ. B. Saccarozơ. C. Fructozơ. D. Mantozơ.

Câu 29: Trong y học, cacbohidrat nào sau đây dùng để làm thuốc tăng lực?

- A. Xenlulozơ. B. Fructozơ. C. Saccarozơ. D. Glucozơ.

Câu 30: Saccarozơ là một loại disaccarit có nhiều trong cây mía, hoa thốt nốt, củ cải đường. Công thức phân tử của saccarozơ là

- A. $C_6H_{12}O_6$. B. $(C_6H_{10}O_5)_n$. C. $C_{12}H_{22}O_{11}$. D. $C_2H_4O_2$.

Câu 31: Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

A. Saccarozơ. B. Xenlulozơ. C. Tinh bột. D. Fructozơ.

Câu 32: Chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

A. Fructozơ. B. Glucozơ. C. Saccarozơ. D. Tinh bột.

Câu 33: Chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

A. Saccarozơ. B. Xenlulozơ. C. Fructozơ. D. Glucozơ.

Câu 34: Chất nào sau đây thuộc loại disaccarit?

A. Glucozơ. B. Fructozơ. C. Saccarozơ. D. Tinh bột.

Câu 35: Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông nõn. Công thức của xenlulozơ là

A. $(C_6H_{10}O_5)_n$. B. $C_{11}H_{22}O_{11}$. C. $C_6H_{12}O_6$. D. $C_2H_4O_2$.

Câu 36: Chất nào sau đây **không** tan trong nước?

A. Saccarozơ. B. Xenlulozơ. C. Fructozơ. D. Glucozơ.

Câu 37: Ancol etylic, tinh bột, axit axetic, saccarozơ là những hợp chất hữu cơ được sử dụng thường xuyên trong đời sống hàng ngày, trong các hợp chất đó hợp chất **không** tan trong nước nguội là

A. saccarozơ. B. ancol etylic. C. axit axetic. D. tinh bột.

Câu 38: Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh, mỗi gốc $C_6H_{10}O_5$ có 3 nhóm OH, nên có thể viết là

A. $[C_6H_7O_2(OH)_3]_n$. B. $[C_6H_5O_2(OH)_3]_n$. C. $[C_6H_7O_3(OH)_2]_n$. D. $[C_6H_8O_2(OH)_3]_n$.

Câu 39: Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng

A. Cộng H_2 (Ni, t^0). B. tráng bạc. C. với $Cu(OH)_2$. D. thủy phân.

Câu 40: Chất nào sau đây **không** thủy phân trong môi trường axit?

A. Xenlulozơ. B. Saccarozơ. C. Tinh bột. D. Glucozơ.

Câu 41: Chất nào sau đây thuộc loại amin bậc 1?

A. $(CH_3)_3N$ B. CH_3NHCH_3 C. $CH_3CH_2NHCH_3$ D. CH_3NH_2

Câu 42: Chất nào sau đây thuộc loại amin bậc hai?

A. CH_3NHCH_3 . B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$. C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$. D. CH_3NH_2 .

Câu 43: Chất nào là amin bậc 3?

A. $(\text{CH}_3)_3\text{CNH}_2$. B. $(\text{CH}_3)_3\text{N}$. C. $(\text{NH}_2)_3\text{C}_6\text{H}_3$. D. $\text{CH}_3\text{NHC}_6\text{H}_5$.

Câu 44: Công thức phân tử của etylamin là

A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$. B. $\text{CH}_3\text{-NH-CH}_3$. C. CH_3NH_2 . D. $\text{C}_4\text{H}_9\text{NH}_2$.

Câu 45: Công thức phân tử của đimetylamin là

A. $\text{C}_2\text{H}_8\text{N}_2$. B. $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$. C. $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$. D. CH_6N_2 .

Câu 46: Anilin có công thức là

A. CH_3COOH . B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$. C. CH_3OH . D. $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$.

Câu 47: Amin tồn tại ở trạng thái lỏng trong điều kiện thường là

A. metylamin. B. anilin. C. etylamin. D. đimetylamin.

Câu 48: Hợp chất $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-COOH}$ có tên gọi là

A. valin. B. lysin. C. alanin. D. glyxin.

Câu 49: Hợp chất $\text{H}_2\text{N-CH(CH}_3\text{)-COOH}$ có tên gọi là

A. valin. B. lysin. C. alanin. D. glyxin.

Câu 50: Hợp chất $\text{CH}_3\text{CH(CH}_3\text{)CH(NH}_2\text{)COOH}$ có tên gọi là

A. valin. B. lysin. C. alanin. D. glyxin.

Câu 54: Amino axit X có phân tử khối bằng 75. Tên của X là

A. lysin. B. alanin. C. glyxin. D. valin.

Câu 55: Axit amino axetic ($\text{NH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$) tác dụng được với dung dịch nào sau đây?

A. NaNO_3 . B. NaCl . C. HCl . D. Na_2SO_4 .

Câu 56: Để chứng minh tính lưỡng tính của $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-COOH}$ (X), ta cho X tác dụng với

A. HCl , NaOH . B. NaCl , HCl . C. NaOH , NH_3 . D. HNO_3 , CH_3COOH .